

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kình.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Th, sinh năm 1995. HKTT: Ấp XT, xã DX, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; Nơi ở: phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quốc T, sinh năm 1987. Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Th trình bày: Bà Thạch Thị Th và ông Lê Quốc T tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã DX, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 29/3/2018. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không hiểu ý nhau và ông T không quan tâm đến vợ, con. Do tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với ông Lê Quốc T.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Thạch Ngọc L, sinh ngày 23/3/2020. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai ngày 14/7/2022, bị đơn ông Lê Quốc T trình bày: Ông Lê Quốc T thừa nhận với nội dung nêu trong đơn khởi kiện của bà Thạch Thị Th về thời gian kết hôn, quá trình sống chung và về con chung. Ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng để ly hôn. Do đó ông đề nghị được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Th. Ngoài ra, do bận công việc nên ông Lê Quốc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Thạch Thị Th khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Quốc T. Bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Thạch Thị Th và ông Lê Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DX, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 29/3/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Bà Thạch Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quốc T vì cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống giữa vợ chồng không hiểu ý nhau và ông T không quan tâm đến vợ, con. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận nhưng giữa các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; bản thân bà Th không có nguyện vọng muốn tiếp tục cùng chung sống với ông T. Ngoài ra, theo biên bản hòa giải ngày 14/7/2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thì dù ông T không đồng ý ly hôn nhưng lại trình bày là nếu bà Th cương quyết thì ông đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà Th là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Lê Thạch Ngọc L, sinh ngày 23/3/2020, sau ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con chung. Nhận thấy hiện tại cháu L dưới 03 tuổi và đang sống cùng với mẹ, do đó nhằm đảm bảo sự ổn định cho sự phát triển của cháu, Hội đồng xét xử xem chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao cháu Lê Thạch Ngọc L cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về căn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Th đối với ông Lê Quốc T về việc ly hôn, tranh chấp con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Th được ly hôn đối với ông Lê Quốc T.

- Về con chung: Bà Thạch Thị Th được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thạch Ngọc L, sinh ngày 23/3/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Sau ly hôn, ông Lê Quốc T được quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, bà Thạch Thị Th không được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001380 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã DX, huyện DH, tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo